

Mẫu FORM-HR-013/表 FORM-HR-013

## BẢNG MÔ TẢ CHỨC VỤ

### 職位說明書

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                             |                        |                                                                                                                  |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--|
| <b>Tên chức vụ</b><br>職位名稱                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trợ lý kinh doanh/<br>業務助理                  | <b>Bộ phận</b><br>部門名稱 | Kinh doanh<br>業務部                                                                                                | <b>Chủ quản trực tiếp/直屬主管</b> | Giám đốc kinh doanh<br>業務主管                                                                                                                                                                                                  | <b>Ngày</b><br>日期 | 01/12/2025                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Mã chức vụ</b><br>職位代碼 |  |
| <b>Nhiệm vụ chính của chức vụ này</b><br>本職位存在的目的                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                             |                        | Giải quyết các vấn đề hành chính, khai thác dịch vụ của bộ phận Kinh doanh<br>處理業務部之行政任務，協助開拓業務                  |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |
| <b>3-5 công việc phụ trách chính/最主要的 3-5 項工作職責</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                             |                        | <b>Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả công việc (KPIs)</b><br>主要的工作表現衡量指標                                              |                                | <b>Yêu cầu về năng lực chuyên môn</b><br>專業能力要求                                                                                                                                                                              |                   | <b>Năng lực cốt lõi</b><br>核心能力要求                                                                                                                                                                                                                                |                           |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Phối hợp với các công ty bảo hiểm lên lịch đào tạo sản phẩm cho nhân viên<br/>配合保險公司安排產品培訓班</li> <li>◆ Lập bảng kê đối chiếu phí hàng tháng với các công ty bảo hiểm<br/>每月與保險公司對照業務</li> <li>◆ Tập hợp báo cáo kinh doanh Phi nhân thọ hàng tuần, tháng<br/>彙整產險課之報告</li> <li>◆ Điền thông tin khai báo Phòng chống rửa tiền<br/>按規定準備防洗錢之資料</li> <li>◆ Thao tác hệ thống IXT quản lý dữ liệu khách hàng<br/>在系統輸入顧客資料</li> </ul> |                                             |                        | Mặt tài chính<br>財務面                                                                                             | ◆                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Thành thạo tiếng Trung 中文流利</li> <li>◆ Có kinh nghiệm làm việc 2~3 năm 有工作經驗</li> <li>◆ Tiếng Anh cơ bản 基本英語</li> <li>◆ Ưu tiên người có kinh nghiệm sale<br/>優先具有業務經驗者</li> </ul> |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tốt nghiệp Đại học liên quan đến chuyên ngành tiếng<br/>大學畢業</li> <li>◆ Kỹ năng giao tiếp tốt<br/>溝通能力強</li> <li>◆ Thành thạo kỹ năng vi tính<br/>MS 技能好</li> <li>◆ Chủ động hoàn thành công<br/>việc 主動完成工作</li> </ul> |                           |  |
| <b>Khó khăn /thử thách chính của công việc</b><br>工作最困難或最具挑戰性的部分                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                             |                        | Làm việc độc lập 獨立工作                                                                                            |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |
| <b>Yêu cầu kinh nghiệm cơ bản</b><br>(điều kiện thị trường)<br>相關經驗的基本<br>要求(市場條件)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Trình độ học vấn tối thiểu</b><br>最低學歷資格 |                        | Tốt nghiệp Đại học liên quan đến chuyên ngành tiếng 大學畢業                                                         |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Kinh nghiệm làm việc</b><br>工作經驗         |                        | Kinh nghiệm làm việc 2~3 năm, ưu tiên người có kinh nghiệm sale 有工作經驗                                            |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Khả năng ngôn ngữ</b><br>語文能力            |                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Thành thạo tiếng Trung 中文流利</li> <li>◆ Tiếng Anh cơ bản 基本英文</li> </ul> |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |
| <b>Chứng chỉ chuyên môn/專業證照</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                             |                        | Bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ đại lý BH 大學畢業證，具有保險代理執照。                                                     |                                |                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |  |

Địa điểm làm việc/工作地點: Tòa nhà 3D, 3 Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Vietnam (越南河內市 紙橋坊)

Liên lạc/聯絡窗口: Ha huynh [skfk8322@skl.com.tw](mailto:skfk8322@skl.com.tw); Van Ngo [van.ngo@shin-kong.com.vn](mailto:van.ngo@shin-kong.com.vn)